

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 346/2017/HC-PT
Ngày: 23 - 11 - 2017
V/v khiếu kiện Quyết định
hành chính về quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Thu Hương.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Huyền Vân

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Thới Ngọc Bắc - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Út - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 261/2017/TLPT-HC ngày 28 tháng 8 năm 2017 về khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2017/HC- ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 671/2017/QĐ- PT ngày 30 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Ông Lương Triệu Tam K, sinh năm 1958 (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1923 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 41 đường N, Phường 6 (nay là phường T1), thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần Quốc C, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 64/1A đường N1, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Ông Nguyễn Đình T2- Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố V

Địa chỉ: Số 89 đường L, Phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Vũ T3- Phó Chủ tịch UBND thành phố V (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Hồ Sỹ P - Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân thành phố V, người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 04/7/2012 bà Nguyễn Thị T và ông Lương Triệu Tam K nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (CNQSD) đất đối với diện tích 2.007,3 m² thuộc thửa số 1 (cũ 01 phần các thửa 213, 214, 215) tờ bản đồ số 37 (cũ 02) tọa lạc tại phường T1 (cũ Phường 6), thành phố V. Hồ sơ này được nộp tại Phòng tiếp nhận và giao trả kết quả của Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V (theo giấy biên nhận số 1354/P6/TNHSĐC ngày hẹn trả thông báo nộp thuế là ngày 20/9/2012).

Đến ngày 20/9/2012 ông K và bà T không nhận được kết quả giải quyết nên ông K và bà T làm đơn khiếu nại.

Ngày 22/4/2016 UBND thành phố V ban hành Công văn số 1484/UBND-TNMT (Công văn 1484/UBND-TNMT) về việc giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất của ông K và bà T tại phường T1, thành phố V, có nội dung: Khi nào UBND thành phố V thực hiện xong việc cắm mốc đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố V thì sẽ tiếp tục xem xét, giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất theo quy định.

Không đồng ý với nội dung của Công văn số 1484/UBND-TNMT, ông K và bà T làm đơn khởi kiện Hành vi hành chính của UBND thành phố V về việc không giải quyết hồ sơ cấp giấy CNQSD đất tại Tòa án.

Theo đơn khởi kiện cũng như tại các buổi làm việc và tại phiên tòa, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất: Năm 1974 ông Lương Triệu N2 (đã mất) và bà Nguyễn Thị T (là cha mẹ của ông Lương Triệu Tam K) có mua

bằng giấy tay của ông Mai Văn K1 và bà Tăng Thị Q 01 sở đất vườn tại sườn núi Lớn cùng với 500 cây ăn trái. Diện tích đất này được Phòng quản lý nhà đất thị xã (nay là thành phố) Vũng Tàu cấp “Giấy xác nhận đã đăng ký đất số 120A/PQLNĐ/VT/T1” ngày 20/02/1976 và được UBND phường T1 cấp “Giấy xác nhận đăng ký đất số 553/BNH/GXNĐKD” ngày 19/01/1978, có tên trong sổ mục kê với diện tích kê khai là 2.240,0 m² đứng tên ông Lương Triệu N2.

Năm 1982 xảy ra tranh chấp giữa gia đình ông K và bà T với bà Phạm Thị T4 do bà T4 tự ý kê khai diện tích đất của gia đình ông K nhằm chiếm đoạt tài sản. Sự việc tranh chấp này đã được Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử bằng Bản án số 02/2012/DSST ngày 25/5/2012 công nhận cho bà T và ông K được quyền sử dụng diện tích 2.007,3 m² theo như sơ đồ vị trí do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V lập ngày 28/02/2012, bản án đã có hiệu lực thi hành.

Như vậy, diện tích 2007,3 m² đất của ông K bà T đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003, nay Điều 100 Luật đất đai năm 2013.

Nên việc UBND thành phố V cho rằng cần phải xác định ranh mốc đất lâm nghiệp sau đó mới giải quyết hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất cho ông K và bà T là không đúng vì đây là chức năng, nhiệm vụ của cơ quan nhà nước được giao chứ không liên quan đến người dân. Và việc giải quyết hồ sơ hành chính cho người dân không phụ thuộc vào yếu tố quy hoạch có phải đất lâm nghiệp hay không. Chỉ trừ trường hợp có Thông báo thu hồi đất hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, khi xem xét yếu tố quy hoạch sử dụng đất chỉ áp dụng đối với các trường hợp sử dụng đất không có giấy tờ theo quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013.

Trường hợp sử dụng đất của ông K và bà T cũng không thuộc trường hợp quy định tại Điều 19 Nghị định 43/2014 NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 99 Luật đất đai năm 2013 thì ông K bà T đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất.

Theo quy định tại Quyết định số 661/QĐ-UBND năm 2015 của UBND tỉnh về việc công bố bộ thủ tục hành chính về đất đai tại cấp huyện trên địa bàn tỉnh B trong đó xác định đất lâm nghiệp cũng là đối tượng được xem xét cấp giấy cho hộ gia đình cá nhân đang sử dụng đất.

Từ những lý do trên, ông K và bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc UBND thành phố V phải giải quyết cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích 2.007,3 m² đất nêu trên cho ông K và bà T.

- Tuyên bố việc không giải quyết hồ sơ cấp giấy CNQSD đất thông qua Công văn số 1484/UBND-TNMT ngày 22/4/2016 của UBND thành phố V là trái pháp luật và hủy bỏ văn bản này.

Theo văn bản ý kiến cũng như kết quả các phiên họp kiểm tra chứng cứ và đối thoại và tại phiên tòa người bị kiện trình bày:

Qua xem xét hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất của ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T, UBND thành phố V nhận thấy: Tại báo cáo số 127/BC-TTr ngày 23/5/2014 và Báo cáo số 303/BC-TTr ngày 14/7/2015 của Thanh tra thành phố V thì trường hợp hồ sơ của ông K bà T có nguồn gốc sử dụng đất rõ ràng, có Bản án công nhận quyền sử dụng đất của Tòa án. Theo hồ sơ địa chính Phường 6 (nay phường T1) lập năm 1992 thửa đất số 213 tờ bản đồ số 02 diện tích 14.073 m² (trong đó có diện tích 2007,3 m² của ông K bà T) loại “T+Q” đăng ký tên bà Phạm Thị T4 (nhưng sau này Tòa án giải quyết công nhận cho ông K, bà T) nên căn cứ khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất.

Theo tờ trình số 1713/TT-VPĐKQSDĐ ngày 7/5/2013 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất Vũng Tàu về việc xin ý kiến giải quyết hồ sơ, có nêu: Tại tờ trình số 31/KT ngày 21/01/2013 của Phòng Kinh tế thành phố V thì đất của ông K bà T không nằm trong lô khoảnh thiết kế trồng rừng, chủ dự án 732 không giao khoán theo chương trình 327 cho ai.

Tuy nhiên, do thửa đất ông K bà T xin cấp giấy CNQSD đất có liên quan đến đất lâm nghiệp theo Quyết định số 6271/QĐ-UB ngày 05/8/2002 của UBND tỉnh B nên cần phải xin ý kiến hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Ngày 21/9/2015 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh có Văn bản số 3262/STNMT-TTr về việc ý kiến đối với việc xem xét, giải quyết yêu cầu xin cấp giấy CNQSD đất trên địa bàn thành phố V, văn bản đã nêu nguyên tắc giải quyết hồ sơ như sau:

- Đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có giấy tờ hợp lệ về đất đai quy định tại Điều 100 Luật đất đai, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì căn cứ Điều 100 Luật đất đai để xem xét, giải quyết.

- Đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất không có giấy tờ hợp lệ về đất đai quy định tại Điều 100, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì căn cứ Điều 101 Luật đất đai và Điều 20 Nghị định số 43/2014 để xem xét, giải quyết.

Tuy nhiên, Sở Tài nguyên và Môi trường cũng yêu cầu trong quá trình giải quyết từng hồ sơ cụ thể thì phải xem xét thêm nhiều yếu tố khác có liên quan như tiến hành rà soát, đối chiếu diện tích, ranh giới của từng hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất với ranh đất lâm nghiệp được xác lập quản lý qua các thời kỳ để phân loại từng trường hợp cụ thể đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ.

Ngày 23/01/2016 Sở Nội vụ tỉnh B có Văn bản số 147/SNV-CCHC với nội dung đề nghị UBND thành phố V có báo cáo cụ thể các trường hợp liên quan đến đất lâm nghiệp và có văn bản công khai trên truyền thông về việc tạm dừng xử lý các hồ sơ liên quan đến đất lâm nghiệp trong thời gian từ nay đến hết ngày 31/12/2016 do nguyên nhân phải xác định lại ranh mốc đất lâm nghiệp trên toàn thành phố V.

Ngày 06/4/2016 UBND thành phố V đã có Văn bản số 1246/UBND-TNMT về việc xin ý kiến tạm ngừng giải quyết hồ sơ cấp giấy CNQSD đất có liên quan đến đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố V.

Ngày 21/4/2016 UBND thành phố V có văn bản số 1421/UBND-TNMT đề nghị UBND tỉnh B giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thành lập Đoàn Thanh tra để xử lý các vấn đề đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố V.

Ngày 17/5/2016 UBND tỉnh B có Công văn số 3342/UBND-VP về việc thành lập Đoàn thanh tra để xử lý các vấn đề liên quan đến đất lâm nghiệp.

Tuy nhiên, ngày 19/9/2016 UBND tỉnh B có Văn bản số 7793/UBND-VP giao UBND thành phố V ban hành kết luận Thanh tra.

Hiện nay, UBND thành phố V chưa thực hiện xong việc xác định ranh đất lâm nghiệp trên địa bàn thành phố V. Nên UBND thành phố V chưa xem xét giải quyết hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất của ông K bà T theo quy định và nội dung trả lời được thể hiện tại Công văn số 1484/UBND-TNMT.

Tại Bản án hành chính số 25/2017/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T. Tuyên bố hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc không giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T là trái pháp luật. Hủy Công văn số 1484/UBND-TNMT ngày 22/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V. Buộc cơ quan này phải thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người khởi kiện đối với diện tích 2.007,3 m² thuộc thửa số 01 (cũ một phần các thửa 213, 214, 215), tờ bản đồ số 37 (cũ 02) tọa lạc tại phường T1 (cũ Phường 6), thành phố V. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/7/2017, UBND thành phố V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm, với lý do: Không đồng ý với nội dung của bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị sửa Bản án theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Triệu Tam K đối với Văn bản số 1484/UBND-TNMT ngày 22/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T tại phường T1, thành phố V, sửa phần án phí hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V vẫn giữ nguyên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố V trình bày: Việc dừng lại hồ sơ chưa xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T là có khó khăn, có lý do. Việc kiện của ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T không có cơ sở. UBND thành phố V sẽ xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T khi có chủ trương nhất quán của UBND tỉnh B. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày: Văn bản cấm mốc đã có từ năm 2012 đã xác định cấm 33 mốc, 109 tọa độ. Hồ sơ của người khởi kiện đã nộp đến UBND thành phố V từ ngày 22/9/2012. UBND thành phố V đưa ra văn bản yêu cầu tạm dừng cấp hồ sơ quyền sử dụng đất không dựa vào văn bản pháp luật nào cho phép. Trong quá trình giải quyết, UBND thành phố V cũng xác định cấm mốc xong vào tháng 12/2016 nhưng đến nay cũng không thực hiện. Lý do đưa ra của UBND thành phố V không có căn cứ pháp lý. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án của thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử công khai, đúng trình tự thủ tục tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

- *Về kháng cáo của UBND thành phố V:* Sau khi trình bày nội dung vụ án, đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm nêu quan điểm: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì thấy nguồn gốc 2007,3 m² thuộc thửa số 01 tờ bản đồ số 37 tọa lạc tại phường T1 của ông K và bà T có nguồn gốc sử dụng trước năm 1975 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng

ký đất đai, có tên trong sổ đăng ký ruộng đất trước ngày 15/10/1993, có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp của ông K và bà T đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. UBND thành phố V kháng cáo đưa ra lý do kháng cáo không có căn cứ, không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện:* Ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T làm đơn khởi kiện “Hành vi hành chính về việc không cấp giấy CNQSD đất của Ủy ban nhân dân thành phố V” thông qua Công văn số 1484/UBND-TNMT ngày 22/4/2016 trả lời cho ông K và bà T biết về việc giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy CNQSD đất. Theo quy định tại Điều 116; Điều 30 và Điều 32 Luật tổ tụng hành chính, thời hiệu khởi kiện vẫn còn và Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch UBND thành phố V đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Triệu Tam K đối với Văn bản số 1484/UBND-TNMT ngày 22/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T tại phường T1, thành phố V, sửa phần án phí hành chính sơ thẩm vì hiện nay chưa có căn cứ để xác định ranh giới đất Lâm nghiệp cần phải chờ kết quả đo đạc của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh, chưa có văn bản hướng dẫn về chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với những thửa đất nằm trong lâm nghiệp.

[2.1] Trường hợp sử dụng đất của ông K và bà T đã có Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2012/DSPT ngày 25/5/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã công nhận cho bà T và ông K được quyền sử dụng 2.007,3m², gồm 1 phần các thửa 213; 214; 215 tờ bản đồ số 02 cũ (nay là thửa 01, tờ bản đồ số 37 mới, tọa lạc tại khóm Bình Sơn, Phường 6 cũ (nay là Phường T1), thành phố V, theo sơ đồ vị trí thửa đất do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V lập ngày 28/02/2012. Hiện nay, Bản án này đã có hiệu lực pháp luật.

[2.2] Sau khi ông K bà T có đơn yêu cầu xin được cấp giấy CNQSD đất đối với diện tích đất nói trên thì các cơ quan tham mưu của UBND thành phố V đều

kháng định trường hợp hồ sơ của ông K bà T có nguồn gốc sử dụng đất rõ ràng, có bản án công nhận quyền sử dụng đất của Tòa án. Theo hồ sơ địa chính Phường 6 (nay phường T1) lập năm 1992 thửa đất số 213 tờ bản đồ số 02 diện tích 14.073 m² (trong đó có diện tích 2007,3 m² của ông K bà T) loại “T+Q” đăng ký tên bà Phạm Thị T4 (nhưng sau này Tòa án giải quyết công nhận cho ông K, bà T) nên căn cứ khoản 3 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 đủ điều kiện được cấp giấy CNQSD đất.

[2.3] Ngày 22/4/2016 UBND thành phố V ban hành Công văn số 1484/UBND-TNMT về việc tạm dừng giải quyết hồ sơ xin cấp giấy CNQSD đất cho ông K và bà T. Song Công văn không nói rõ thời gian tạm dừng đến bao giờ, lý do tạm dừng của người bị kiện đưa ra cũng không căn cứ theo văn bản quy phạm pháp luật nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện cũng không xác định thời gian cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K và bà T.

[2.4] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T hủy Công văn số 1484/UBND-TNMT của UBND thành phố V và buộc cơ quan này phải thực hiện việc cấp giấy CNQSD đất cho người khởi kiện đối với diện tích 2.007,3 m² đất nêu trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. UBND thành phố V kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của UBND thành phố V, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm như đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị.

[3] Về án phí: UBND thành phố V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 34, 37 Pháp lệnh số 10 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của UBND thành phố V và Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 25/2017/HC-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T.

Tuyên bố: Hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc không giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T là trái pháp luật.

Hủy Công văn số 1484/UBND-TNMT ngày 22/4/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố V.

Buộc cơ quan này phải thực hiện việc cấp giấy CNQSD đất cho người khởi kiện đối với diện tích 2.007,3 m² thuộc thửa số 01 (cũ một phần các thửa 213, 214, 215), tờ bản đồ số 37 (cũ 02) tọa lạc tại phường T1 (cũ Phường 6), thành phố V.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu 200.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Lương Triệu Tam K và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai thu số AA/2015/0001940 ngày 04/8/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp là 300.000 đồng nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm Ủy ban nhân dân thành phố V đã nộp theo Biên lai thu tiền số: TU/2016/0005730 ngày 19/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Ủy ban nhân dân thành phố V đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 23 tháng 11 năm 2017.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- NKK;
- NBK;
- Lưu: VP, Hồ sơ, 13bTNB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Ngọc Thu Hương

